

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 7 NĂM 2009
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Thời tiết trong tháng mưa nhiều, tạo thuận lợi cho lúa và rau màu phát triển. Các địa phương miền Bắc tập trung gieo cấy, chăm sóc lúa mùa, các địa phương thuộc địa bàn miền núi tiếp tục thu hoạch một số diện tích lúa đông xuân muộn, đồng thời tích cực gieo trồng, chăm sóc các loại cây rau, màu vụ mùa. Các địa phương miền Nam chuyển trọng tâm sang thu hoạch lúa hè thu, xuống giống lúa mùa và tiếp tục gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu\mùa.

Tính đến ngày 15/7/2009, các địa phương miền Bắc gieo cấy đạt 927,8 ngàn ha lúa mùa, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 2,8 %, riêng vùng Đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 450,4 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 3,7 %. Các địa phương phía Nam đã thu hoạch 578 ngàn ha lúa hè thu, bằng 101,4 % so với cùng kỳ năm trước. Lúa hè thu thu hoạch chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với tổng diện tích 557 ngàn ha, chiếm 35,8 % diện tích xuống giống.

Sản xuất chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2009 phát triển tốt hơn so với cùng kỳ 2008, các chỉ số tăng trưởng đạt cao nhất so với những năm gần đây. Tình hình chăn nuôi gia súc ăn cỏ phát triển ổn định, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, đặc biệt là những vùng khó khăn.

Hoạt động khai thác trên biển của ngư dân bị giảm do ảnh hưởng của bão số 4 và áp thấp nhiệt đới. Tốc độ tăng sản lượng thủy sản giảm so với tháng trước là do giá các loại thủy hải sản giảm mạnh, chi phí đầu vào tăng. Mặt khác, việc Trung Quốc cấm đánh bắt cá có thời hạn đã gây ảnh hưởng một phần đến tâm lý của ngư dân Việt Nam, nhất khu vực miền Trung khi ra khơi. Tổng sản lượng thủy sản 7 tháng đầu năm 2009 ước đạt 2.662 nghìn tấn, tăng 4,1 % so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng khai thác thủy sản đạt 1.344 nghìn tấn, tăng 7,7 % so với cùng kỳ năm trước, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.318 nghìn tấn, tăng 0,8 % so cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 7/2009 ước đạt 1,4 tỉ USD, trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 690 triệu USD; các mặt lâm sản chủ yếu ước đạt 205 triệu USD và thủy sản ước đạt 400 triệu USD. Trong 7 tháng đầu năm, đa số các mặt hàng xuất khẩu đều tăng về lượng nhưng giá trị thì phần lớn lại sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản toàn ngành 7

tháng đầu năm 2009 ước đạt 9,08 tỉ USD, giảm 5,23% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó, các mặt hàng nông sản đạt 5,02 tỉ USD, giảm 5,32%; thủy sản đạt 2,16 tỉ USD giảm 9,49%; các mặt hàng lâm sản chính đạt 1,43 tỉ USD giảm 17,44%.

Với xuất khẩu giảm nên tình hình nhập khẩu các loại vật tư, phân bón ngành nông lâm thủy sản cũng theo đó có xu hướng giảm với giá trị nhập khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 5,68 tỷ USD, giảm 13,98% so với cùng kỳ năm trước. Tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng chủ yếu tháng 7 đạt 669 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu 7 tháng đầu năm đạt 3,75 tỷ USD, giảm 22,94% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 7/2009 như sau :

Chỉ tiêu	Ước TH	Tỷ lệ (%)*
1. Gieo cấy lúa Mùa cả nước (nghìn ha)	1.140,7	104,6
Miền Bắc	927,8	102,8
Trong đó Đồng bằng sông Hồng	450,4	103,7
Miền Nam	212,9	113,1
2. Thu hoạch lúa Hè Thu ở miền nam(nghìn ha)	578,1	101,4
Trong đó : Đồng bằng sông Cửu Long	557,2	101,7
3. Gieo trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày**		
3.1. Gieo trồng màu lương thực (nghìn ha)	1.359,0	97,6
3.2. Gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày(nghìn ha)	553,6	98,4
4. Gieo trồng rau, đậu các loại (nghìn ha)	559,8	104,7
5. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)	92,4	101,0
Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng	21,3	116,6
Rừng sản xuất	71,1	97,1
6. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	2.662	104,1
Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)	1.344	107,7
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	1.318	100,8
7. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	9.081	94,77
Trong đó: Nông sản	5.015	94,68
Thủy sản	2.162	90,51
Lâm sản	1.430	82,56

Ghi chú : * So với cùng kỳ

** Miền Bắc bao gồm cả cây vụ đông

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1. Trồng trọt

Trong tháng 7, các địa phương miền Bắc tập trung gieo cấy, chăm sóc lúa mùa, các địa phương thuộc địa bàn miền núi tiếp tục thu hoạch một số diện tích lúa đông xuân muộn, đồng thời tích cực gieo trồng, chăm sóc các loại cây rau, màu vụ mùa. Thời tiết trong tháng mưa nhiều, tạo thuận lợi cho lúa và rau màu phát triển. Các địa phương miền Nam chuyển trọng tâm sang thu hoạch lúa hè thu, xuống giống lúa mùa và tiếp tục gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu\mùa.

Tính đến ngày 15/7/2009, các địa phương miền Bắc gieo cấy đạt 927,8 ngàn ha lúa mùa, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 2,8 %, riêng vùng Đồng bằng sông Hồng gieo

cây đạt 450,4 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 3,7 %. Nhờ lúa đông xuân thu hoạch sớm hơn mọi năm và thời tiết trong thời kỳ gieo cấy ở các vùng cơ bản thuận lợi, nên vụ mùa năm nay có triển vọng sẽ gieo cấy đạt kế hoạch diện tích và cho năng suất khá.

Các địa phương phía Nam, tính đến ngày 15/7/2009, đã thu hoạch 578 ngàn ha lúa hè thu, bằng 101,4 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm 31 % diện tích xuống giống. Lúa hè thu thu hoạch chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với tổng diện tích 557 ngàn ha, chiếm 35,8 % diện tích xuống giống. Trong những ngày đầu và giữa tháng 7/2009, do ảnh hưởng của cơn bão số 4, gây mưa kéo dài trong nhiều ngày trên địa bàn ĐBSCL làm mực nước ruộng dâng cao, nhiều trà lúa hè thu đang ở giai đoạn chắc xanh, chín bị đổ ngã, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng. Lúa đã thu hoạch tại nhiều nơi gặp khó khăn trong khâu phơi, sấy.

Đồng thời với thu hoạch lúa hè thu, các địa phương miền Nam đã xuống giống 212,9 ngàn ha lúa mùa, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 13,1 %. Diện tích xuống giống tập trung chủ yếu ở vùng Tây nguyên trong điều kiện thời tiết thuận lợi, đạt 135,8 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 18,4 %.

Tính đến ngày 15/7/2009, diện tích gieo trồng màu lương thực cả nước đạt 1.358 ngàn ha, bằng 97,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích ngô đạt 780 ngàn ha, bằng 94,9 %, khoai lang đạt 113,5 ngàn ha bằng 98,1 % và sắn đạt 424,5 ngàn ha, bằng 98,8 % so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày đạt 553,6 ngàn ha, bằng 98,4 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lạc 200,4 ngàn ha, bằng 94,3 %, đậu tương đạt 145,8 ngàn ha, bằng 96,8 %, thuốc lá đạt 24,5 ngàn ha, tăng 27,5 %; mía trồng mới đạt 147,8 ngàn ha, bằng 98,4 % và rau, đậu các loại đạt 559,8 ngàn ha, tăng 4,7 % so với cùng kỳ năm trước.

2.1.2. Tình hình sâu bệnh hại lúa

Các tỉnh phía Bắc

- Rầy nâu, rầy lưng trắng : Gây hại trên lúa hè thu, mùa sớm giai đoạn làm đòng tại các tỉnh Bắc Trung bộ. Mật độ phổ biến ở mức 50 - 100 con/m², có nơi đến 1.500 - 3.000 con/m². Tổng diện tích nhiễm toàn vùng 6.785 ha, trong đó có 670 ha nhiễm nặng. Diện tích nhiễm tập trung nhiều ở Nghệ An (5.785 ha), Huế (643 ha), Quảng Trị (350 ha) và Quảng Bình (47 ha).

- Ốc bươu vàng : Hại chủ yếu trên lúa hồi xanh - đẻ nhánh. Mật độ 1 - 3 con/m², có nơi cao 5 - 10 con/m², cục bộ từ 20 - 50 con/m², cá biệt có nơi đến 100 - 200 con/m². Diện tích bị nhiễm (11.515 ha) cao hơn cùng kỳ năm trước, diện tích nhiễm nặng là 1.972 ha, mất trắng 400 ha. Đã phòng trừ được 14.317 ha.

- Sâu cuốn lá nhỏ : Địa bàn Bắc bộ bị hại diện hẹp trên lúa mùa sớm giai đoạn đẻ nhánh với hơn 1.000 ha, thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tại các tỉnh Bắc Trung bộ, tổng diện tích nhiễm toàn vùng lên tới 11.375 ha, trong đó có gần 1.000 ha bị nhiễm nặng, tập trung nhiều ở các tỉnh Nghệ An (7.278 ha), Huế (3.922 ha) và Quảng Trị (150 ha).

- Sâu đục thân 2 chấm : Sâu non gây danh héo diện hẹp trên lúa mùa sớm giai đoạn đẻ nhánh. Diện tích bị nhiễm cao hơn cùng kỳ năm trước, tập trung nhiều tại các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Quảng Ninh và Yên Bái.

Các tỉnh phía Nam

- Rầy nâu : Diện tích lúa hè thu nhiễm rầy nâu tại ĐBSCL chỉ còn gần 5.000 ha, giảm 73.000 ha so với thời điểm giữa tháng 6/2009. Mật độ rầy chỉ còn từ 750 – 3.000 con/m², giảm 2.000 con/m². Đạt được kết quả này là do các địa phương tiếp tục duy trì hoạt động của ban chỉ đạo phòng trừ rầy nâu các cấp. Cán bộ bám sát cơ sở và tăng cường công tác điều tra, giám sát đồng ruộng, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo phương pháp “4 đúng” kết hợp với các biện pháp thâm canh tổng hợp, IPM, áp dụng “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, bón phân cân đối. Rầy không bùng phát thành dịch và cũng không xảy ra cháy rầy.

- Vàng lùn, lùn xoắn lá : Trên lúa Hè Thu 2009, diện tích nhiễm 185 ha. Bệnh xuất hiện trên lúa giai đoạn làm đòng, trổ bông ở 2 tỉnh Bình Thuận và Đồng Nai, trong đó diện tích nhiễm nặng là 146 ha. Trên lúa Thu Đông – Mùa 2009, diện tích nhiễm 65 ha, tập trung trên lúa ở giai đoạn đẻ nhánh, với tỷ lệ bệnh phổ biến 5 – 7 %, tập trung tại quận Thốt Nốt (thành phố Cần Thơ).

- Bệnh đạo ôn : Toàn vùng có khoảng 33.843 ha lúa bị nhiễm bệnh, giảm 13.597 ha so với tháng trước. Tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 – 10 %, nơi cao trên 20 % (140 ha). Bệnh gây hại tập trung tại các tỉnh: Sóc Trăng, Kiên Giang, Long An, Bạc Liêu, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Đồng Nai và Lâm Đồng.

- Sâu cuốn lá nhỏ : Diện tích bị nhiễm 27.943 ha, giảm 26.018 ha so với tuần trước. Mật độ sâu phổ biến từ 10 - 15 con/m², nơi cao là 40 con/m², tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Long An, Bạc Liêu, Bình Thuận, Tiền Giang và thành phố Cần Thơ

Ngoài ra, còn có bệnh đốm vằn, bệnh lem lép hạt, bệnh bạc lá, sâu đục thân, sâu keo xuất hiện ở mức độ nhẹ.

2.2. Chăn nuôi, thú y

2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi 7 tháng đầu năm

Sản xuất chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2009 phát triển tốt hơn so với cùng kỳ 2008, các chỉ số tăng trưởng đạt cao nhất so với những năm gần đây. Tình hình chăn nuôi gia súc ăn cỏ phát triển ổn định, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, đặc biệt là những vùng khó khăn.

Đàn trâu, bò phát triển thuận lợi, nhất là bò thịt do giá thịt bò ở mức cao, chăn nuôi có lãi. Chăn nuôi lợn và gia cầm đang gặp khó khăn do giá thức ăn công nghiệp ở mức cao. Giá thịt hơi giảm nhiều từ tháng 5 đã ảnh hưởng đến phát triển đàn lợn và gia cầm.

So với tháng 6/2008, trong tháng 7/2009, giá một số nguyên liệu TĂCN trong nước cũng như nhập khẩu đã giảm : cám gạo - 4.090 đ/kg (giảm 9 %); bột cá sản xuất trong nước 60 % protein - 17.750 đ/kg (giảm 4,1 %); khô đỗ tương 9.450 đ/kg (giảm 7,4%). Trong khi đó, một số nguyên liệu khác lại tăng : ngô - 4.570 đ/kg (tăng 3,8 %); sắn khô 3.045 đ/kg (tăng 10,7 %); Methionin 94.500 đ/kg (tăng 5 %), Lyzin 31.500 đ/kg (tăng 31,3 %). Giá TĂCN thành phẩm giảm nhẹ : cám gà Broiler - 7.060 đ/kg (giảm 1,1%); cám lợn thịt giai đoạn từ 60 kg đến xuất chuồng - 5.900 đ/kg (giảm 2,3 %).

Giá sản phẩm chăn nuôi có xu hướng giảm so với tháng trước, không có lợi cho người chăn nuôi : giá lợn hơi - 26.000 - 30.000 đ/kg; gà công nghiệp dao động từ 22.000 - 24.000 đ/kg, gà ta từ 45.000 - 50.000 đ/kg, gà thả vườn giá bán 25.000 - 28.000 đ/kg; giá thịt bò ngon từ 110 - 120.000 đ/kg; giá sữa dao động 7.000 - 8.000 đ/lít; trứng gà từ 1.300 - 1.400 đ/quả.

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

1. Dịch Cúm gia cầm

Hiện nay, cả nước còn tỉnh Quảng Ninh (19 ngày) có dịch Cúm gia cầm chưa qua 21 ngày. Từ ngày 18/6 - 11/7/2009, dịch cúm gia cầm đã phát sinh tại 6 hộ dân thuộc 2 xã Liên Hoà và Phong Hải, huyện Yên Hưng (Quảng Ninh). Tổng số gia cầm tiêu huỷ là 10.082 con (trong đó ốm chết 2.893 con). Ngay sau khi có dịch, lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT đã trực tiếp xuống các ổ dịch để chỉ đạo công tác dập dịch. Từ ngày 11/7/2009 đến nay chưa phát hiện có thêm ổ dịch mới.

Tiêm phòng cúm gia cầm : Hiện cả nước đã hoàn thành đợt I tiêm phòng cúm gia cầm năm 2009. Tổng số lượt gia cầm được tiêm phòng là 154,4 triệu lượt, trong đó vịt là 70,9 triệu lượt tiêm và gà là 83,5 triệu lượt tiêm.

2. Dịch Lở mồm long móng

Hiện nay, cả nước còn tỉnh Kon Tum và Yên Bái có dịch LMLM chưa qua 21 ngày.

Tại Kon Tum, ngày 06/7/2009, dịch LMLM xảy ra tại thôn Kon Rơ Bàn 1 và Kon Rơ Bàn 2, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum. Theo báo cáo của Chi cục Thú y, có 2 con bò nuôi tại rẫy tự phát bệnh LMLM, chủ hộ đưa về thôn Kon Rơ Bàn 1 để chăm sóc, chữa trị, làm lây lan sang các con khác. Tính đến ngày 16/7/2009, có 70 con bò của thôn Kon Rơ Bàn 1, 2 mắc bệnh LMLM.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã kịp thời chỉ đạo Chi cục Thú y cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với Trạm Thú y thành phố xuống địa bàn kiểm tra, xác minh và hướng dẫn địa phương triển khai các biện pháp phòng chống, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh, ngăn ngừa bệnh LMLM lây lan ra diện rộng, hướng dẫn UBND xã Vinh Quang triển khai các biện pháp phòng chống bệnh LMLM.

Tại Yên Bái, theo báo cáo của Chi cục Thú y, ngày 13/7/2009, tại xã Phù Nham và xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn đã xuất hiện dịch bệnh LMLM trên đàn trâu. Nguyên nhân được xác định là do số trâu giống nhập về cho 14 xã của huyện Văn Chấn (trong đó có 8/39 con trâu giống nhập vào 2 xã này có biểu hiện các triệu chứng lâm sàng bệnh LMLM). Chi cục Thú y đã cấp 48 lít thuốc sát trùng Bencocid cho trạm Thú y huyện để tiêu độc khử trùng và chỉ đạo trạm Thú y huyện Văn Chấn, Trấn Yên áp dụng ngay các biện pháp phòng chống dịch LMLM theo quy định và đề nghị dừng việc nhập trâu bò vào địa bàn.

3. Dịch Tai xanh trên lợn

Hiện nay, cả nước còn 2 tỉnh Đắk Lắk và Quảng Nam có dịch Tai xanh chưa qua 21 ngày. Tại Đắk Lắk, cuối tháng 6/2009, tại Trung Đoàn 95 (xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ) đã xảy ra dịch tai xanh ở lợn. Đến ngày 10/7/2009 đã có 66 con chết, tiêu huỷ 119 con, giết mổ bắt buộc 17 con trên tổng đàn 900 con. Hiện nay, Sở NN & PTNT đã triển khai các biện pháp phòng chống dịch như khoanh vùng dịch, tiêu huỷ số heo mắc bệnh,

giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi, khu vực tiêu hủy.

Lãnh đạo Cục Thú y, các Cơ quan Thú y vùng đã đi chỉ đạo, hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Trong tháng 7 năm 2009, thời tiết khá thuận lợi cho việc trồng rừng do có mưa nhiều trên diện rộng. Ước tính đến 22/7/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 92,4 nghìn ha, đạt 40,6 % kế hoạch, tăng 1 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 21,3 nghìn ha, vượt 16,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 35,6% kế hoạch. Rừng sản xuất trồng được 71,1 nghìn ha, bằng 97,1 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 42,5% kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 147,9 nghìn ha, bằng 98,8 % kế hoạch. Trồng cây nhân dân đạt 123,6 triệu cây, bằng 61,8 % kế hoạch và bằng 98,4 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 623,2 nghìn ha, bằng 123,2 % kế hoạch và bằng 96,9 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2.117,8 nghìn ha, vượt 39 % kế hoạch và bằng 90,9 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện khai thác gỗ đạt 1.967,6 nghìn m³, đạt 44,9 % kế hoạch, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc : Đang tiếp tục trồng rừng theo kế hoạch. Tính đến ngày 22/7/2009, đã trồng được 87,3 nghìn ha, bằng 94,5 % diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, các tỉnh Đông Bắc có diện tích trồng rừng lớn nhất trên cả nước, với 67 nghìn ha, tiếp đến là Tây Bắc trồng được 11,3 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Tuyên Quang (12.478 ha), Quảng Ninh (12.220 ha), Yên Bái (9.215 ha) và Lạng Sơn (9.193 ha).

Các tỉnh miền Nam : Tiếp tục gieo ươm cây giống phục vụ cho nhu cầu trồng rừng trong thời gian tới. Một số địa phương tiếp tục cắm mốc 3 loại rừng. Tính đến ngày 22/7/2009, các tỉnh miền Nam đã trồng được 2.638 ha rừng, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng là 1.256 ha, rừng sản xuất là 1.382 ha. Một số địa phương đã triển khai trồng rừng là Tây Ninh (843 ha), Đắk Lắk (780 ha), Lâm Đồng (377 ha). Bên cạnh việc chuẩn bị và tiến hành trồng rừng, các địa phương miền Nam tiếp tục chăm sóc diện tích rừng trồng năm trước, triển khai giao khoán quản lý bảo vệ rừng và thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh.

2.3.2. Tình hình vi phạm lâm luật

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, trong tháng 7/2009, đã xảy ra 3.292 vụ vi phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Trong đó có 465 vụ phá rừng trái phép, 323 vụ khai thác rừng trái phép, 27 vụ vi phạm về PCCCR, 9 vụ vi phạm qui định về sử dụng đất lâm nghiệp, 104 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã, 1.792 vụ vận chuyển, buôn bán trái phép gỗ và lâm sản, 100 vụ vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản, 472 vụ vi phạm khác. Lực lượng kiểm lâm đã xử lý 3.183 vụ (xử phạt hành chính 3.139 vụ, xử lý hình sự là 44 vụ). Thu nộp ngân sách gần 20 tỷ đồng.

2.3.3. Tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng

Trong tháng, các khu vực Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng của tỉnh Quảng Trị đã có nhiều ngày không mưa, thời tiết khô hanh kéo dài, nguy cơ cháy rừng đang ở cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm). Nếu cháy rừng xảy ra thì hầu hết các kiểu rừng đều dễ bắt lửa với tốc độ lan tràn rất nhanh. Trong tháng, trên cả nước đã xảy ra 10 vụ cháy rừng, diện tích thiệt hại 36,99 ha. Từ đầu năm 2009 đến nay, trên toàn quốc xảy ra 245 vụ cháy rừng, thiệt hại 1.260,86 ha rừng các loại.

2.4. Nghề muối

Sản lượng muối 7 tháng ước đạt 550.000 tấn, bằng 90% so với cùng kỳ năm trước.- Sản lượng muối do thời tiết thay đổi thất thường, không thuận lợi cho sản xuất, nhất là tại các tỉnh Nam bộ và Nam Trung bộ. Trong khi đó, diện tích sản xuất muối tăng lên đáng kể do giá muối hợp lý, bà con diêm dân tích cực bám nắng và mở rộng đồng muối. Diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt 14.465 ha, tăng 16 % so với cùng kỳ năm trước.

Giá muối có chiều hướng giảm nhẹ tại các tỉnh phía Bắc do đang vào chính vụ. Tại vùng duyên hải miền Trung và Nam bộ giá muối ổn định. Nhìn chung giá muối không biến động nhiều so với tháng 6/2009. Giá tại các tỉnh miền Bắc từ 1.200 - 1.400 đ/kg. Tại các tỉnh Đông Nam bộ và duyên hải miền Trung, giá muối ở mức 1.000 - 1.800đ/kg (trong khi đó, giá muối công nghiệp từ 1.200 - 1.600 đ/kg). Giá tại các tỉnh ĐBSCL ở mức 1.200 - 1.600 đ/kg.

2.5. Thủy sản

2.5.1. Khai thác thủy sản

Vào những ngày đầu vụ cá Nam, hoạt động khai thác trên biển của ngư dân bị giảm do ảnh hưởng của bão số 4 và áp thấp nhiệt đới. Tốc độ tăng sản lượng thủy sản giảm so với tháng trước là do giá các loại thủy hải sản giảm mạnh, chi phí đầu vào tăng. Mặt khác, việc Trung Quốc cấm đánh bắt cá có thời hạn đã gây ảnh hưởng một phần đến tâm lý của ngư dân Việt Nam, nhất là tại các khu vực “nhạy cảm” ở khu vực miền Trung khi ra khơi.

Theo báo cáo của các địa phương, tại Quảng Ngãi khai thác 7 tháng ước đạt 61.745 tấn, tăng 3,8 % so với cùng kỳ năm 2008. Tại Khánh Hoà, sản lượng 7 tháng ước đạt 45.476 tấn các loại, tăng 6 % so với cùng kỳ. Tại Bạc Liêu, sản lượng 7 tháng ước đạt 52.835 tấn.

Tháng 7/2009, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 182 nghìn tấn, trong đó sản lượng khai thác biển ước đạt 165 ngàn tấn. Tổng sản lượng khai thác thủy sản 7 tháng đầu năm ước đạt 1.344 ngàn tấn, bằng 61,1% so với kế hoạch, tăng 7,7% so với cùng kỳ. Khai thác biển ước đạt 1.240 ngàn tấn, khai thác nội địa ước đạt 104 ngàn tấn.

2.5.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 7/2009 ước đạt 195 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng nuôi 7 tháng đầu năm đạt 1.318 ngàn tấn, bằng 54,9 % kế hoạch, tăng 0,8 % so với cùng kỳ năm 2008.

* **Đối với cá tra thâm canh** : Tính đến ngày 22/7/2009, sản lượng ước đạt 480 nghìn tấn, năng suất bình quân đạt 240 tấn/ha. Diện tích đã thả giống tại 9 tỉnh vùng ĐBSCL ước đạt 5.030 ha với khoảng 1.500 triệu con giống cá tra. Sóc Trăng có diện tích

nuôi cá tra là 158 ha, Trà Vinh có trên 82,42 ha, Vĩnh Long có diện tích đang thả nuôi là 340 ha.

Hiện tại, các cơ sở nuôi cá đang gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, giá bán thấp, trong khi chi phí sản xuất tăng, người nuôi không có lãi. Giá cá tra nguyên liệu ở mức 14.500 - 15.000 đ/kg (giảm 200 - 500 đ/kg so tháng trước).

Tình hình dịch bệnh vẫn còn xảy ra rải rác ở các giai đoạn cá nuôi, nhưng tập trung nhiều nhất vào giai đoạn đầu khi thả giống, đặc biệt bệnh xuất hiện nhiều và phát triển mạnh khi vào mùa mưa. Các bệnh chủ yếu là bệnh gan thận có mũ, trắng gan trắng mang, tuy nhiên mức độ thiệt hại không cao.

* **Đối với tôm chân trắng** : sản lượng ước đạt 17.000 tấn. Hiện có dịch bệnh đốm trắng gây thiệt hại cho người nuôi.

* **Đối với tôm sú** : Sản lượng ước đạt 55.500 tấn. Do tình hình thị trường tiêu thụ năm 2009 không ổn định, nên một số cơ sở không mạnh dạn đầu tư, diện tích thả giống nuôi thâm canh giảm so với năm 2008.

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo của một số doanh nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) trong tháng 7/2009 ước tính như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Ước TH tháng 7/2009
1	Tổng công ty Rau quả	30.800
2	Tổng công ty Chè	20.674
3	Công ty Cổ phần in Nông nghiệp	657

Tình hình sản xuất mía đường

Hiện các nhà máy đường đã ngừng sản xuất, chuẩn bị cho vụ trồng mới.

Từ 15/6 - 15/7/2009, tổng lượng đường tiêu thụ là 44,3 ngàn tấn, giảm 36 ngàn tấn so với cùng kỳ năm trước. Lượng đường tiêu thụ giảm do các doanh nghiệp kinh doanh tập trung tiêu thụ lượng đường đã mua gom từ trước và ảnh hưởng của đường nhập lậu tràn lan. Đường lậu qua khu vực An Giang (bình quân khoảng 300 tấn/ngày) đã chi phối toàn bộ thị trường miền Tây Nam bộ và một phần tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh. Đường lậu qua cửa khẩu Cầu Treo (khoảng 100 tấn/ngày) chi phối thị trường các tỉnh miền Bắc và miền Trung.

Đến ngày 15/7/2009, lượng đường tồn kho tại các nhà máy là 141,1 ngàn tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước. Lượng đường nhập khẩu theo hạn ngạch còn 21 ngàn tấn chưa nhập. Ngày 03/7/2009, Bộ Công thương đã có Thông tư số 18/2009/TT-BCT bổ sung lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường năm 2009 thêm 40 ngàn tấn.

Nếu mức sản xuất, tiêu thụ đường không thay đổi so với năm 2008, thì lượng đường hiện có đủ cung cấp đến hết tháng 9/2009. Từ tháng 10/2009, sẽ có thêm lượng đường sản xuất của vụ mới. Ngoài ra, còn có 40.000 tấn mới bổ sung hạn ngạch làm dự phòng. Tuy nhiên, do lượng cung chênh lệch ít so với cầu, nên nếu có hiện tượng đầu cơ thao túng thị trường, có thể tạo nên tình trạng sốt giá vào khoảng tháng 9 hoặc tháng 10. Để ổn định thị trường, cần có sự kiểm tra, chỉ đạo sát sao của Tổ điều hành thị trường trong nước và Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Tháng 7/2009, ước tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 1,4 tỉ USD. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 690 triệu USD, các mặt lâm sản chủ yếu ước đạt 205 triệu USD và thủy sản ước đạt 400 triệu USD. 7 tháng đầu năm, đa số các mặt hàng xuất khẩu đều tăng về lượng nhưng giá trị thì lại sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản toàn ngành 7 tháng đầu năm 2009 ước đạt 9,08 tỉ USD, giảm 5,23 % so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó, các mặt hàng nông sản đạt 5,02 tỉ USD (giảm 5,32 %), thủy sản đạt 2,16 tỉ USD (giảm 9,49 %); các mặt hàng lâm sản chính đạt 1,42 tỉ USD (giảm 18,08 %). Khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới lan rộng cả về quy mô và tầm ảnh hưởng đã làm giá cả của tất cả các mặt hàng nông sản xuất khẩu giảm mạnh, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của bà con nông dân.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Gạo** : Ước tháng 7/2009 xuất khẩu 640 ngàn tấn, kim ngạch đạt 260 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 4,37 triệu tấn, kim ngạch đạt 3,01 tỉ USD, so cùng kì năm trước tăng tới 49,16 % về lượng, nhưng chỉ tăng 6,02 % về giá trị. Do lượng cung gạo trên thị trường thế giới có xu hướng tăng vì nhiều nước đẩy mạnh bán hàng tồn kho, nên giá xuất khẩu gạo bình quân 6 tháng đầu năm nay giảm tới 22,05% so với năm trước, chỉ đạt 469 USD/T.

+ **Cà phê** : Ước xuất khẩu tháng 7/2009 đạt 80 ngàn tấn với giá trị 115 triệu USD. Tổng xuất khẩu cà phê 7 tháng ước đạt 812 ngàn tấn thu về 1,2 tỷ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 21,6 % về lượng nhưng giảm 13,93 % về giá trị. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nên sức mua của thị trường giảm sút. Giá XK bình quân 6 tháng là 1.488 USD/T, giảm 28,38 % (khoảng 590 USD/T) so với cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su** : Tháng 7/2009, ước xuất khẩu 65 ngàn tấn, đạt 95 triệu USD. Tổng xuất khẩu cao su 7 tháng đầu năm ước đạt 316 ngàn tấn và 453 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 2,55 % về lượng nhưng giảm gần ½ về kim ngạch. Các nhà nhập khẩu cao su chính của Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu tăng nhu cầu. Giá cao su trên thị trường thế giới sụt giảm mạnh. Giá cao su XK trung bình 6 tháng đầu năm đạt 1.425 USD/tấn, giảm 43,94 % (tương đương 1117 USD/T) so cùng kỳ năm trước.

+ **Chè** : Ước tháng 7/2009 xuất khẩu đạt 12 ngàn tấn, với kim ngạch 14 triệu USD, đưa tổng lượng chè xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 64 ngàn tấn, thu về 78 triệu USD, tăng 10,56 % về lượng nhưng giảm 1,45 % giá trị so với cùng kỳ năm trước. Do thời tiết khô hạn, sản lượng chè của Sri Lan-ca và Ấn Độ sụt giảm mạnh, tạo cơ hội cho Việt Nam tăng lượng tiêu thụ trên thị trường thế giới. 6 tháng đầu năm, chè Việt Nam đạt được sự tăng trưởng tốt cả về lượng và giá trị tại một số thị trường như Pa-ki-xtan, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ,... Giá chè xuất khẩu trung bình 6 tháng đầu năm đạt 1.233 USD/tấn, giảm 8,07 % (tương đương 108 USD/T) so cùng kỳ năm trước.

+ **Hạt điều** : Tháng 7/2009, xuất khẩu ước đạt 17 ngàn tấn với kim ngạch 79 triệu USD, đưa mức xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 90,3 ngàn tấn, kim ngạch 493 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, tăng 2,04 % về lượng nhưng giảm 16,87 % về giá trị.

Giá xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm nay đạt 4.451 USD/T, giảm 17,03 % (tương ứng 914 USD/T) so với cùng kỳ năm trước.

+ **Tiêu** : Ước xuất khẩu tháng 7/2009 đạt 15 ngàn tấn với kim ngạch đạt 37 triệu USD. Xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 83 ngàn tấn và thu về 195 triệu USD, tăng 44,78 % về lượng nhưng giảm 3,48 % về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Giá xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm đạt 2.326 USD/T, giảm 34,23 % (tương đương 1.211 USD/T) so với mức giá cùng kỳ năm 2008.

+ **Lâm sản và đồ gỗ** : Tháng 7/2009, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 190 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 1,32 tỷ USD, giảm 17,12 % so với cùng kỳ năm trước. 7 tháng 2009, sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt 98 triệu USD. Do khủng hoảng kinh tế, người dân ở các thị trường tiêu thụ đồ gỗ của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, EU đã chuyển từ tiêu dùng các sản phẩm cao cấp sang những sản phẩm bình dân hơn. Giá của các đơn hàng đều có xu hướng giảm khoảng 10 % so với năm 2008. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ đang vấp phải một số chính sách bảo hộ của các nước nhập khẩu như chứng nhận về nguồn gốc xuất xứ, khiến các doanh nghiệp phải tốn nhiều thời gian và chi phí mua nguyên liệu so với trước đây.

+ **Thủy sản** : Tháng 7 xuất khẩu thủy sản ước đạt 400 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 7 tháng lên đạt 2,16 tỷ USD, đạt 48,08 % so với kế hoạch và giảm 9,49 % so với cùng kỳ năm 2008. Xuất khẩu tôm của Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng mạnh trên một số thị trường như Mỹ, EU, Trung Quốc.

Trong 6 tháng đầu năm 2009, khối lượng xuất khẩu tôm đạt 71,33 ngàn tấn thu về 586,62 triệu USD, xấp xỉ về lượng so với cùng kỳ năm ngoái nhưng vẫn giảm 5,04 % về giá trị. Mặc dù vươn lên vị trí số một về kim ngạch xuất khẩu, nhưng cả khối lượng và giá trị cá tra/basa xuất khẩu đều giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng giảm 1,18 % (264,7 nghìn tấn) và giá trị giảm 3,02 % (600,8 triệu USD).

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Do xuất khẩu giảm nên tình hình nhập khẩu các loại vật tư, phân bón ngành nông lâm thủy sản cũng có xu hướng giảm với giá trị nhập khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 5,68 tỷ USD, giảm 13,98 % so với cùng kỳ năm trước. Tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng chủ yếu tháng 7 đạt 669 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu 7 tháng đầu năm đạt 3,75 tỷ USD, giảm 22,94 % so với cùng kỳ năm ngoái

Nhập khẩu các mặt hàng cụ thể như sau :

+ **Phân bón** : Ước nhập khẩu tháng 7/2009 đạt 300 ngàn tấn phân bón các loại, lượng phân Urê nhập về trong 7 tháng là 762 ngàn tấn, tương đương 230 triệu USD, tăng 35,45 % lượng và 4,95 % về giá trị; DAP nhập về 621 ngàn tấn, tăng 83,05 % về lượng nhưng giảm 21,17 % về giá trị; Phân SA - 650 ngàn tấn và 94 triệu USD, tăng 36,78 % về lượng nhưng giảm 23,84 % về giá trị; NPK - 189 ngàn tấn và 79 triệu USD, tăng 28,24 % về lượng và giảm 2,18 % về giá trị. Theo đà suy thoái giá phân bón nhập khẩu vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu** : Ước nhập khẩu tháng 7/2009 đạt 44 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu 7 tháng ước đạt 274 triệu USD, giảm 16,27 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ** : Ước nhập khẩu tháng 7/2009 đạt 85 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu 7 tháng ước đạt 443 triệu USD, chỉ bằng 64,47 % cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu**: Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 7/2009 đạt 220 triệu USD. Nhập khẩu 7 tháng ước đạt 1,04 tỷ USD, giảm 10,96 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Lúa mì** : Chỉ riêng mặt hàng lúa mì nhập khẩu là tăng cả lượng và giá trị, ước nhập khẩu trong tháng 7 đạt 165 ngàn tấn. Tổng lượng nhập khẩu 7 tháng ước đạt 832 ngàn tấn với trị giá 206 triệu USD, tăng 84,29 % về lượng và 6,18 % về giá trị so cùng kỳ năm trước. Giá lúa mì nhập khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 248 USD/tấn, bằng 59,12 % giá nhập khẩu lúa mì năm 2008.

+ **Bông** : Tổng nhập khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 136 ngàn tấn với kim ngạch 169 triệu USD, so cùng kỳ năm trước giảm 20,75 % về lượng và 35,26 % về giá trị.

+ **Cao su** : Ước nhập khẩu tháng 7/2009 ước đạt 21 ngàn tấn, kim ngạch NK trên 26 triệu USD. Ước 7 tháng đầu năm NK 141 ngàn tấn với kim ngạch 191 triệu USD, so cùng kỳ năm trước tăng 15,08 % về lượng nhưng chỉ bằng 59,86 % về giá trị.

5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.

5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 7 và 7 tháng năm 2009 (Mục A của phụ biểu : vốn ngân sách giao đầu năm) ước đạt 1.612,2 tỷ đồng bằng 54,56% kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 1.537,9 tỷ đồng bằng 58,89% kế hoạch năm;

+ Khối Thủy lợi : Ước đạt 1.087,3 tỷ đồng, bằng 73,3% kế hoạch;

+ Khối Nông nghiệp : Ước đạt 269,5 tỷ đồng, bằng 54,67% kế hoạch

+ Khối Lâm nghiệp : Ước đạt 66,78 tỷ đồng, bằng 29% kế hoạch;

+ Khối Thủy sản : Ước đạt 14,9 tỷ đồng, bằng 62% kế hoạch;

+ Khối Khoa học - Công nghệ : Ước đạt 37,2 tỷ đồng, bằng 16,2%

+ Khối Giáo dục - Đào tạo : Ước đạt 35,7 tỷ đồng, bằng 39,64%

+ Các ngành khác : Ước đạt 26,55 tỷ đồng, bằng 43,5% kế hoạch;

- *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia* : đạt 8,5 tỷ đồng bằng 21% kế hoạch;

- *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể* : đạt 52,3 tỷ đồng bằng 25% kế hoạch;

- *Vốn chuẩn bị đầu tư* : đạt 13,5 tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch;

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (Mục B của phụ biểu : Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách) thực hiện tháng 7 và 7 tháng năm 2009 ước đạt 308,8 tỷ đồng, bằng 30,88% kế hoạch;

5.1.2. Kết quả thực hiện :

Tổng hợp số liệu thống kê kết quả thực hiện một số dự án thuộc các Khối như sau:

a. Khối Thủy lợi : Khối lượng thực hiện 7 tháng ước đạt 1.087,3 tỷ đồng, bằng 73,3% kế hoạch năm;

Cụ thể một số dự án điển hình như sau :

- Dự án Hỗ trợ thủy lợi Việt Nam WB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 226,2 tỷ , bằng 47,67% so với kế hoạch Bộ giao giải ngân; Một số Tiểu dự án (TDA) có tiến độ thực hiện và giải ngân khá : TDA Phú Ninh, TDA Yên Lập, TDA Bến Châu, TDA Dầu Tiếng; Do thiếu vốn đền bù giải phóng mặt bằng nên một số TDA thực hiện chậm, chưa đạt mục tiêu yêu cầu về tiến độ : TDA Quảng Huế, TDA Kẻ Gỗ, TDA Cầu Sơn - Cẩm Sơn, TDA Đá Bàn...

- Dự án Lưu vực sông Hồng ADB3 : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 243,39 tỷ đồng, bằng 57,9% kế hoạch giải ngân Bộ giao; Hầu hết các gói thầu xây lắp của các Tiểu dự án đã và đang thực hiện đúng tiến độ, một số hạng mục đã hoàn thành xong, chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng : TDA Nam Yên Dũng, TDA Bến Tre; Tuy nhiên, một số TDA bị ảnh hưởng của thời tiết mặt khác vừa thi công vừa phục vụ sản xuất nên tiến độ thực hiện thấp : TDA nâng cấp Hệ thống thủy lợi sông Cầu, Cồ Đàm, Hải Hậu... Chủ đầu tư tiếp tục chỉ đạo các ban quản lý dự án phối hợp với các cơ quan chuyên ngành của Bộ tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trong danh mục vượt lũ, chống lũ : cống Trà Linh I, cống Tắc Giang, cống Phủ Lý;

- Dự án Quản lý rủi ro thiên tai WB4 : khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 258,3 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch giải ngân Bộ giao; Trong quý 3/2009 các ban quản lý dự án một mặt thúc đẩy tiến độ thi công của các dự án đạt khá cao, mặt khác tập trung đôn đốc các nhà thầu triển khai khẩn trương các gói thầu đã trao, đồng thời kiến nghị Bộ trình Chính phủ, các Bộ ngành tháo gỡ khó khăn về vốn đền bù giải phóng mặt bằng, vốn đối ứng thi công đảm bảo cam kết tiến độ giải ngân với các nhà tài trợ;

- Dự án Chống lũ hạ du sông Sài Gòn : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 49,8 tỷ đồng, bằng 48% kế hoạch;

- Dự án thủy lợi các tỉnh miền Trung (ADB4) đạt 18%, dự án này có khối lượng thực hiện và giải ngân đạt thấp do các Tiểu dự án thành phần vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị kỹ thuật, trình duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán;

b. Khối Nông nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 269,5 tỷ đồng, bằng 54,67% kế hoạch;

Tổng hợp số liệu thống kê từ các ban quản lý dự án : Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai (vay vốn ADB) đạt tiến độ thực hiện và giải ngân cao, đang tiến hành thủ tục điều chỉnh bổ sung Hiệp định

Tuy nhiên, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trong nước, một số dự án ODA vẫn triển khai chậm và giải ngân thấp: Chương trình Phát triển ngành Nông nghiệp (vay vốn ADB), Phát triển Nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung (vay vốn WB) ước thực hiện và giải ngân đến kỳ báo cáo đạt 2,25 tỷ đồng, bằng 1,67% kế hoạch; Nguyên nhân : Dự án mới có hiệu lực từ tháng 5/2008 hiện nay đang trong giai đoạn khởi động, chuẩn bị công tác kỹ thuật, triển khai tư vấn thiết kế ...

c. Khối Lâm nghiệp : Khối lượng thực hiện ước đạt 66,78 tỷ đồng, bằng 29% kế hoạch; Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc khối Lâm nghiệp kể cả dự án ODA, dự án vốn trong nước đều thực hiện chậm, lượng vốn giải ngân thấp chưa đáp ứng được yêu cầu về mục tiêu và tiến độ; Nguyên nhân : Các dự án Lâm nghiệp có tỷ lệ vốn mang tính

xây dựng công trình thấp, đầu tư vốn chủ yếu cho phát triển lâm nghiệp như trồng rừng, hỗ trợ tư vấn, chi phí quản lý

d . Khối Thủy sản : Khối lượng thực hiện và giải ngân ước đạt 14,9 tỷ đồng, bằng 62% so với kế hoạch; Về cơ bản các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho nghề cá, các Trạm, Trại nuôi trồng thủy sản đều thực hiện đúng tiến độ; Tuy nhiên, Dự án Hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên Biển chưa trao hợp đồng thầu nên chưa giải ngân, Dự án Nâng cấp trung tâm chất lượng an toàn thú y thủy sản bị thiếu vốn;

5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

- Chỉ đạo các địa phương phối hợp chặt chẽ với các ngành tập trung khắc phục hậu quả sạt lở, lũ quét do ảnh hưởng của bão số 3 và 4 tại các tỉnh miền núi Bắc Bộ;

- Tiếp tục thúc đẩy, đôn đốc chỉ đạo các ban Quản lý dự án khẩn trương rà soát, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB năm 2009 chi tiết đến từng công trình được đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách tập trung, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ứng trước cho các công trình cấp bách;

- Chỉ đạo việc lập và duyệt tiến độ thi công cho từng công trình, từng Dự án, yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu bám sát và thực hiện thi công theo tiến độ đã được duyệt;

- Đôn đốc sát sao việc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm, các công trình chặn dòng vượt lũ; Kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về trình tự thủ tục XDCB để đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân các nguồn vốn;

- Bộ yêu cầu các chủ đầu tư, các ban Quản lý dự án tăng cường công tác kiểm tra chất lượng công trình, đồng thời có biện pháp phòng, chống, bảo vệ công trình an toàn trong mùa mưa lũ;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có giải pháp tháo gỡ khó khăn về vốn cho các công trình, dự án, chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch ĐTXDCB năm 2009, chủ động điều chỉnh kế hoạch thực hiện các công trình, dự án khi cần thiết;

- Tập trung triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2010 của các đơn vị thuộc Bộ và toàn ngành, chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn chỉnh thủ tục các dự án thuộc khung kế hoạch 2010 để báo cáo Chính phủ đúng thời hạn;

- Tiếp tục thúc đẩy, kiểm tra, đôn đốc các chương trình, Dự án thuộc khu vực đầu tư Nông nghiệp, khối Khoa học công nghệ, Giáo dục đào tạo khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán để đẩy nhanh tiến độ thực hiện;

- Đối với phần khối lượng công việc thực hiện đã có đủ điều kiện nghiệm thu, lên phiếu giá thanh toán, Bộ yêu cầu các chủ dự án phối hợp với cơ quan Tài chính thực hiện các trình tự thủ tục để giải ngân kịp thời, đúng chế độ chính sách quy định, không để vốn kế hoạch ứ đọng đến cuối năm;

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ .

5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư;

5.2.2. Kết quả thực hiện .

Theo số liệu thống kê tổng hợp từ các ban quản lý dự án thuộc Bộ, các ban quản lý thuộc các địa phương đã được Bộ phân cấp : Khối lượng ước thực hiện 7 tháng năm 2009 của các công trình đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 1.509,9 tỷ đồng, bằng 39,22% kế hoạch năm; Trong đó :

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg : Khối lượng ước đạt 1.435,4 tỷ đồng, bằng 44,17% kế hoạch, gồm :

- + Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách : Khối lượng ước đạt 978 tỷ đồng;
- + Các công trình thủy lợi miền Núi : Khối lượng ước đạt 180,6 tỷ đồng;
- + Các công trình thủy lợi ĐBSCL : Khối lượng ước đạt 276,8 tỷ đồng;

- Các dự án cấp bách bổ sung : Khối lượng thực hiện ước đạt 44,23 tỷ đồng, bằng 22% kế hoạch;

- Các dự án đồng bằng sông Hồng : Khối lượng ước đạt 30,3 tỷ đồng, bằng 7,58% kế hoạch;

Các chủ đầu tư đang khẩn trương chỉ đạo, đôn đốc các nhà thầu tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công, các B thi công khẩn trương đẩy nhanh tiến độ các công trình có vốn đầu tư lớn, kỹ thuật thi công phức tạp đảm bảo vượt lũ chính vụ an toàn;

6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Trong tháng 7/2009, có 42/63 Sở NN&PTNT (19 tỉnh miền Bắc và 19 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa được đảm bảo thời gian gửi , còn chậm. Đặc biệt, vẫn còn 25 tỉnh (chiếm hơn 39 % số tỉnh) không gửi báo cáo tháng và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn (*xem Phụ lục 10a và 10b*).

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: mard.gov.vn
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK₍₂₎, Dự báo

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Long Trì

